

Số: /2022/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập (trừ lĩnh vực y tế) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Thông báo số 42/TB-TTHĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 192/TTr-STC ngày 25 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập (trừ lĩnh vực y tế) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế), ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình, như sau:

STT	Loại diện tích chuyên dùng	Diện tích tối đa (m²)
I	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	
1	Cấp tỉnh	
1.1	Ban tiếp công dân kết hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.603
1.2	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị	60
2	UBND cấp huyện	100
3	UBND cấp xã	50
II	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân	
1	Cấp tỉnh	
1.1	Ban tiếp công dân kết hợp Trung tâm phục vụ hành chính công	650
1.2	Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh	200
1.3	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị	50
2	Cấp huyện (Văn phòng Thành ủy/Huyện ủy, Văn phòng HĐND và UBND huyện, thành phố)	100
3	Cấp xã	60
III	Diện tích sử dụng cho quản trị hệ thống công nghệ thông tin	
1	Cấp tỉnh	
1.1	Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh	150
1.2	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị	40
2	Cấp huyện	

STT	Loại diện tích chuyên dùng	Diện tích tối đa (m ²)
2.1	Văn phòng Thành ủy/Huyện ủy, Văn phòng HĐND và UBND huyện, thành phố	40
2.2	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị	24
3	Cấp xã	30
IV	Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên)	
1	Cấp tỉnh	
1.1	Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh	1.000
1.2	Các sở, ban, ngành	300
2	Cấp huyện (Hội trường UBND các huyện, thành phố)	600
3	Cấp xã	400
V	Kho bảo quản chứng từ có giá và kho bảo quản các tài sản khác theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù của ngành	
1	Cấp tỉnh	
1.1	Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh	350
1.2	Các sở, ban, ngành	200
1.3	Các đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành	80
2	Cấp huyện	
2.1	Văn phòng Thành ủy/Huyện ủy, Văn phòng HĐND và UBND huyện, thành phố	150
2.2	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị	60
3	Cấp xã	60
VI	Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ đặc thù diện tích được xác định theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam	

2. Tiêu chuẩn, định mức tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, công trình sự nghiệp khác.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình

1. Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo:

a) Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Lao động Thương binh và Xã hội căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu sử dụng thực tế của đơn vị; đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trong quá trình sử dụng.

Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo, ngoài thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều này còn ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu sử dụng thực tế của đơn vị; đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trong quá trình sử dụng.

2. Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực giáo dục và đào tạo):

a) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu sử dụng thực tế của đơn vị; đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trong quá trình sử dụng.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu sử dụng thực tế của đơn vị; đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trong quá trình sử dụng.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2022.

2. Quy định chuyển tiếp

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không xác định lại diện tích chuyên dùng theo định mức quy định tại Quyết định này.

b) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được xây dựng trụ sở, trong đó có bố trí diện tích chuyên dùng chưa đúng (đủ) theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này thì không xây dựng bổ sung diện tích mà bố trí, sắp xếp diện tích trụ sở hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo phục vụ công tác. Trường hợp không thể bố trí được, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan lập kế hoạch và dự toán ngân sách, giao, đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hoặc mua sắm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 6;
- Các bộ: Xây dựng, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP5, các VP.

Zh_VP5_03VBQP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Cao Sơn